TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 258/2024/DS-ST
Ngày 17/9/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLST-DSST ngày 02 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N

Địa chỉ: Số A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được cử tham gia tố tụng: Ông Đậu Hoàng A, ông Lê Vũ H (Theo giấy ủy quyền số 02 ngày 01/02/2024); Địa chỉ chi nhánh: Ngân hàng TMCP N – chi nhánh H1 – Tầng 1 đến tầng 5 số A C, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Có mặt ông H, vắng mặt ông Hoàng A.

- Bị đơn: Ông Lưu Tuấn Đ, sinh năm 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số F ngõ H, phố K, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số B ngõ A T, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần N ông Lê Vũ H trình bày như sau:

Trước đây, Ông Lưu Tuấn Đ làm việc tại Công ty TNHH MTV V thuộc Tổng Công ty H2 với chức vụ Phó chánh Văn phòng phụ trách. Công ty TNHH MTV V có địa chỉ tại Số A T, phường T, quận T, Hà Nội. Ngày 01/06/2015, khách hàng Lưu Tuấn Đ ký kết ngân hàng TMCP N yêu cầu phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế V0202825; AV0202561 tín chấp

với tổng hạn mức là 108,000,000 đồng. Hiệu lực thẻ tín dụng là 36 tháng (đến hết tháng 06/2018).

Kể từ tháng 12/2017, Ông Lưu Tuấn Đ đã phát sinh nợ quá hạn.

Tính đến ngày 16/02/2024, thẻ tín dụng của khách hàng Lưu Tuấn Đ còn dư nợ tại Ngân hàng TMCP N chi nhánh H1 cụ thể là:

*Thẻ Visa V0202825: Nợ gốc: 66.275.698 đồng, L phát sinh: 69.532.395 đồng.

*Thẻ Amex AV0202561: 31.073.381 đồng, Nợ gốc: 33.085.957 đồng.

Lãi phát sinh: Tổng cộng: 199.967.431 đồng (bằng chữ: Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mốt đồng).

Khoản nợ của ông Lưu Tiến Đ1 hiện đang được xếp vào nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn.

Quá trình thu hồi nợ: Từ khi ông Lưu Tuấn Đ phát sinh nợ quá hạn thẻ tín dụng tại V1, Phòng Khách hàng Bán lẻ đã nhiều lần cố gắng liên lạc, đến cơ quan, đến nhà tìm gặp nhưng Khách hàng không hợp tác làm việc với Ngân hàng và hiện tại đã đổi số điện thoại để trốn nợ. Các thông báo và biên bản làm việc giữa khách hàng và Ngân hàng như sau:

+ Ngày 19/03/2019, Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ tới Ông Lưu Tuấn Đ.

+ Ngày 08/04/2019, Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ tới Ông Lưu Tuấn Đ.

+ Ngày 12/07/2019, Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ tới Ông Lưu Tuấn Đ.

+ Ngày 12/12/2019, Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ tới Ông Lưu Tuấn Đ.

+ Ngày 27/09/2022, Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ tới Ông Lưu Tuấn Đ.

Nay ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc ông Lưu Tuấn Đ trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền nợ gốc và lãi, phí tín dụng còn thiếu theo thẻ tín dụng quốc tế V0202825 và thẻ tín dụng quốc tế AV0202561 tạm tính đến ngày 17/4/2023 là 880.688.043 đồng (T1 trăm tám mươi triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn không trăm bốn mươi ba đồng) trong đó tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế V0202825 nợ gốc là 66.275.698 đồng, nợ lãi, phí tín dụng: 571.594.499 đồng và tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế AV0202561 nợ gốc là 31.073.391 đồng, nợ lãi, phí tín dụng: 211.744.455 đồng.

2. Ông Lưu Tuấn Đ phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế nêu trên.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tiến hành giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông Lưu Tuấn Đ biết Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng do Ngân hàng TMCP N khởi kiện đối với ông Lưu Tuấn Đ và triệu tập ông Đ đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng ông Đ không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Qua xác minh tại Công an phường T thể hiện ông Lưu Tuấn Đ không còn sinh sống tại địa chỉ số F ngõ H, phố K, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội (là địa chỉ hộ khẩu thường trú và ghi trong yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế giữa ông Đ với Ngân hàng TMCP N). Địa chỉ ông Đ ghi trong yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế là nơi ở tại số B ngõ A T, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội nhưng thực tế ông Đ cũng không cư trú tại địa chỉ trên và trong hồ sơ không có tài liệu nào chứng minh ông Đ đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc ông Đ chuyển đi nơi khác không còn ở tại địa chỉ ghi trong các Hợp đồng tín dụng mà ông Lưu Tuấn Đ ký kết với Ngân hàng TMCP N thì ông Đ phải có nghĩa vụ thông báo cho Ngân hàng TMCP N biết về việc thay đổi địa chỉ cư trú của ông Đ. Việc ông Đ thay đổi địa chỉ không thông báo cho Ngân hàng được coi là cố tình giấu địa chỉ nên theo quy định của pháp luật Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã niêm yết các thông báo, giấy báo và quyết định của Tòa án tại địa chỉ cư trú cuối cùng và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Đ. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng TMCP N xin rút yêu cầu ông Lưu Tuấn Đ thanh toán tiền nợ lãi quá hạn của 02 thẻ tín dụng, ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa buộc ông Lưu Tuấn Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/9/2024 là 209.624.900 đồng (Hai trăm linh chín triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm đồng), trong đó tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế V0202825 nợ gốc là 66.275.698 đồng, nợ lãi, nợ lãi trong hạn: 76.107.244 đồng và tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế AV0202561 nợ gốc là 31.073.391 đồng, nợ lãi trong hạn: 36.168.577 đồng. Ngân hàng TMCP N không yêu cầu ông Lưu Tuấn Đ thanh toán tiền nợ lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc của 02 thẻ tín dụng quốc tế nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP N với ông Lưu Tuấn Đ và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N, buộc ông Lưu Tuấn Đ có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ

số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 17/9/2024 là: 209.624.900 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 18/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Các điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Ông Lưu Tuấn Đ phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lưu Tuấn Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số F ngõ H, phố K, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, triệu tập ông Lưu Tuấn Đ đến tham gia phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại phiên tòa nhưng ông Đ vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lưu Tuấn Đ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng) ký ngày 01/6/2015 giữa Ngân hàng TMCP N và ông Lưu Tuấn Đ được các bên ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy xác định là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Ông Đ được cấp thẻ tín dụng quốc tế V0202825 và thẻ tín dụng quốc tế AV0202561 với tổng hạn mức là 108,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông Đ đã thực hiện các giao dịch và thanh toán đầy đủ. Sau đó ông Đ không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhiều lần. Tháng 12 năm 2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông Đ sang nợ quá hạn theo Điều 4, Điều 5 của Các điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng. Nay ngân hàng xác nhận tạm tính đến ngày 17/9/2024 ông Lưu Tuấn Đ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là: 209.624.900 đồng (Hai trăm linh chín triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm đồng), trong đó tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế V0202825 nợ gốc là 66.275.698 đồng, nợ lãi trong hạn: 76.107.244 đồng và tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế AV0202561 nợ gốc là 31.073.391 đồng, nợ lãi trong hạn: 36.168.577 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lưu Tuấn Đ phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

[3.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: 97.349.079 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng của ông Lưu Tuấn Đ với Ngân hàng TMCP N đủ cơ sở xác nhận ông Lưu Tuấn Đ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 97.349.079 đồng (Chín mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn không trăm

bảy mươi chín đồng) trong đó tiền nợ nợ gốc theo thẻ tín dụng quốc tế V0202825 là 66.275.698 đồng, nợ lãi, nợ lãi trong hạn: 76.107.244 đồng và tiền nợ gốc theo thẻ tín dụng quốc tế AV0202561 là 31.073.391 đồng nên việc Ngân hàng TMCP N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lưu Tuấn Đ phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2]. Xét yêu cầu tính lãi: căn cứ Điều 5 Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng thương mại cổ phần N quy định: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát sinh thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Ông Lưu Tuấn Đ sử dụng thẻ từ tháng 12 năm 2017 quá trình sử dụng thẻ ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhắc nhở ông Đ, qua nhiều lần làm việc nhưng ông Đ không có thiện chí trả nợ. Lãi suất trong hạn áp dụng đối với 02 thẻ tín dụng quốc tế của ông Lưu Tuấn Đ là 17%/năm trong toàn bộ quá trình thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án thông báo lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng của ông Đ. Do ông Đ vi phạm Điều 4 của Các Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên tháng 12 năm 2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông Đ sang nợ quá hạn từ tháng 12 năm 2017 là đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất được quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tạm tính đến ngày 17/9/2024, ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 97.349.079 đồng (Chín mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bảy mươi chín đồng), lãi suất trong hạn là 17%/năm, tính từ ngày 20/11/2017 đến ngày 17/9/2024 là: 112.275.821 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP N buộc ông Lưu Tuấn Đ phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là: 112.275.821 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng).

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi ông Lưu Tuấn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N là: 209.624.900 đồng (Hai trăm linh chín triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm đồng).

[3.3]. Tại phiên tòa, ngân hàng TMCP N tự nguyện không yêu cầu ông Lưu Tuấn Đ thanh toán tiền nợ lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc của 02 thẻ tín dụng quốc tế nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ngân hàng TMCP N.

Về án phí: Ngân hàng TMCP N được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Ông Lưu Tuấn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với ông Lưu Tuấn Đ về việc thanh toán số tiền chậm trả theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế và Các điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Xác nhận ông Lưu Tuấn Đ còn nợ Ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc và lãi là 209.624.900 đồng (Hai trăm linh chín triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm đồng), trong đó tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế V0202825 nợ gốc là 66.275.698 đồng, nợ lãi trong hạn: 76.107.244 đồng và tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế AV0202561 nợ gốc là 31.073.391 đồng, nợ lãi trong hạn: 36.168.577 đồng.

Buộc ông Lưu Tuấn Đ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền là 209.624.900 đồng (Hai trăm linh chín triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ngân hàng thương mại cổ phần N không yêu cầu ông Lưu Tuấn Đ thanh toán tiền nợ lãi quá hạn của số tiền nợ gốc còn nợ.

Về án phí: Ông Lưu Tuấn Đ phải chịu 10.481.245 đồng (Mười triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 19.210.321 đồng (Mười chín triệu hai trăm mười nghìn ba trăm hai mươi mốt đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0019406 ngày 02/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xử án sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất 17%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ngân hàng thương mại cổ phần N, vắng mặt ông Lưu Tuấn Đ. Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể

từ ngày tuyên án. Ông Lưu Tuấn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- TAND TP Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Hách